

CEDAW VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ VIỆC BẢO HỘ QUYỀN LỢI CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM TRONG QUAN HỆ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

ThS. BÙI THỊ THU *

Trước quá trình quốc tế hoá diễn ra mạnh mẽ đã làm phát sinh ngày càng nhiều các quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài, trong đó các quan hệ về hôn nhân gia đình đặc biệt phát triển. Xu thế lấy chồng ngoại quốc, nhận trẻ em làm con nuôi mà mặt trái của hiện trạng này là tình trạng lợi dụng quan hệ hôn nhân vì mục đích kinh tế, buôn bán phụ nữ, trẻ em... ở các nước nghèo, kém phát triển đang đặt ra nhiều vấn đề pháp lý và các hậu quả phức tạp, buộc các quốc gia phải nỗ lực tìm kiếm các biện pháp để có thể bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho phụ nữ và trẻ em. Trong bối cảnh đó, nhiều công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi phụ nữ và trẻ em được hình thành. Một trong những công ước quốc tế đa phương phổ cập toàn cầu trong lĩnh vực quyền con người, Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) ra đời đã đánh dấu bước tiến dài trong công cuộc đấu tranh cho sự tiến bộ của phụ nữ. CEDAW có giá trị là khung pháp lý quan trọng nhằm cụ thể hoá các cam kết của các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam đối với việc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Nội dung bài viết sẽ đi vào phân tích mối quan hệ của CEDAW và các quy định của pháp luật Việt Nam với việc bảo hộ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.⁽¹⁾

1. Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài

Để bảo vệ quyền lợi và phụ nữ trẻ em Việt Nam trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, nhằm thực hiện một trong những biện pháp chống sự phân biệt đối xử với phụ nữ, cụ thể bằng biện pháp pháp luật⁽²⁾ mà CEDAW đã nêu ra tại Điều 3, Việt Nam cũng đã trải qua quá trình xây dựng và không ngừng hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân gia đình nói chung và trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng. Hiện nay, các quy định điều chỉnh quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài của Việt Nam được ghi nhận trong hai nguồn luật chính là các điều ước quốc tế và các quy định của pháp luật trong nước.

1.1. Các quy định của pháp luật trong nước

Hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến quan hệ hôn nhân gia đình nằm rải rác trong các văn bản pháp luật như Hiến pháp năm 1992, Luật quốc tịch năm 1998, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đặc biệt, Luật hôn nhân và gia đình chính thức có hiệu lực năm 2001 đã dành từ Điều

* Giảng viên Khoa luật quốc tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

100 đến Điều 106 trực tiếp điều chỉnh các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Để thực thi một cách có hiệu quả Luật này, ngày 10/7/2002 Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2002/CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Tiếp theo, ngày 16/4/2003 Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2003/NQ-HDTP hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số vụ tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài đã góp phần tháo gỡ một số khó khăn cho các toà án địa phương trong quá trình giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua. Đặc biệt, ngày 25/2/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị số 03/CT-TTg về tăng cường quản lý nhà nước đối với các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, những quy định này đã góp phần hoàn thiện hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam, thể hiện sự quyết tâm của nhà nước trong việc quản lý các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài trong quá trình hội nhập.

1.2. Các điều ước quốc tế

Bên cạnh các quy định của pháp luật trong nước, Việt Nam cũng đã tham gia kí kết một số điều ước quốc tế trong lĩnh vực hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, số lượng các điều ước quốc tế đa phương có liên quan đến việc bảo đảm các quyền của phụ nữ và trẻ em chủ yếu là các các điều ước quốc tế về nhân quyền,⁽³⁾ Việt Nam chưa tham gia các điều ước quốc tế đa phương trực tiếp trong lĩnh vực hôn nhân gia đình. Hiện Việt Nam mới chỉ kí kết được

một số điều ước quốc tế song phương, chủ yếu là các hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lí với các nước,⁽⁴⁾ các hiệp định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài... Nội dung chính của các hiệp định này chủ yếu tạo ra một khung pháp lí điều chỉnh các quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình giữa các nước hữu quan, đặc biệt tạo ra một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp của hai bên trong việc giải quyết các vấn đề pháp lí có yếu tố nước ngoài phát sinh giữa công dân của các bên liên quan như vấn đề tương trợ tư pháp, công nhận và cho thi hành các bản án, phán quyết của toà án nước ngoài...

Như vậy, với việc xây dựng hệ thống các quy định của pháp luật, các quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã bước đầu được giải quyết, góp phần hạn chế bớt các vấn đề phức tạp nảy sinh, tạo ra một cơ chế pháp lí trong việc thực thi các quyền cơ bản của phụ nữ và trẻ em tại Việt Nam. Nguyên tắc chung trong việc xây dựng các quy định có liên quan được chỉ rõ: "*Ở nước CHXHCNVN quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân, quan hệ giữa cha mẹ và con, quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, được xác lập hoặc công nhận theo quy định của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam được tôn trọng và bảo vệ phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập*".⁽⁵⁾

2. Lĩnh vực kết hôn có yếu tố nước ngoài

Một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong các quan hệ hôn nhân gia đình đã được CEDAW đề cập tại Điều 16, theo đó: "*Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với*

phụ nữ trong tất cả các vấn đề liên quan đến hôn nhân và quan hệ gia đình...". Công ước nêu rõ các nguyên tắc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc xác lập các quyền tự do hôn nhân (tự do kết hôn, li hôn, tái hôn...), các quyền trong lĩnh vực nhân thân, tài sản giữa vợ và chồng trong thời kì hôn nhân cũng như khi chấm dứt hôn nhân.

Để thực hiện cam kết trên, pháp luật Việt Nam đã cụ thể hoá các quyền của phụ nữ trong các quan hệ hôn nhân gia đình nói chung và quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng trong các văn bản pháp luật. Nguyên tắc chung cho các quan hệ hôn nhân gia đình là quyền tự do hôn nhân (trong đó bao gồm các quyền tự do kết hôn, li hôn, quyền đối với quốc tịch của vợ chồng, quốc tịch của con cái, các quyền nhân thân, tài sản của vợ chồng...), nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình, nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng... Đặc biệt, tư pháp quốc tế Việt Nam cũng đã xây dựng được các nguyên tắc chung để giải quyết các vấn đề trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài như các nguyên tắc chọn luật áp dụng trong các chế định về kết hôn, li hôn, quan hệ nhân thân, tài sản giữa vợ chồng... có yếu tố nước ngoài.

2.1. Về hình thức kết hôn

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau nếu tiến hành tại Việt Nam phải được thực hiện phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam (nguyên tắc luật nơi tiến hành kết hôn). Pháp luật Việt Nam cũng công nhận các cuộc hôn nhân tiến hành ở

nước ngoài, phù hợp với luật nơi tiến hành kết hôn về hình thức thì sẽ được công nhận tại Việt Nam, trừ trường hợp lần tránh pháp luật.⁽⁶⁾

Đặc biệt, để hạn chế bớt tình trạng lợi dụng hôn nhân vì mục đích kinh tế, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của phụ nữ. Một mặt, vừa đảm bảo nguyên tắc tự do hôn nhân, mở rộng hơn các quan hệ hôn nhân gia đình và công nhận các cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài pháp luật Việt Nam còn nêu rõ: *"Việc kết hôn cũng bị từ chối nếu kết quả của việc thẩm tra, xác minh cho thấy nếu việc kết hôn giả tạo, không nhằm mục đích xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ... kết hôn nhằm mua bán phụ nữ, xâm hại tình dục hoặc các mục đích trục lợi khác"* (Điều 18 Nghị định số 68/CP). Những quy định này nhìn chung phù hợp với các quy định của pháp luật các nước phù hợp với nguyên tắc luật nơi tiến hành kết hôn đã được ghi nhận tại Điều 15 Công ước La Haye năm 1978 về luật áp dụng đối với quan hệ hôn nhân gia đình.⁽⁷⁾

2.2. Điều kiện kết hôn nội dung

Các quy định xác định các điều kiện kết hôn về nội dung ở các nước là một vấn đề phức tạp và có rất nhiều điểm khác biệt do dựa trên truyền thống, phong tục tập quán và các giá trị xã hội khác nhau. Vẫn còn các quốc gia dựa trên các nguyên tắc hôn nhân đa thê hoặc có các quy định làm hạn chế các quyền tự do, bình đẳng trong các quan hệ hôn nhân gia đình (như các quy định của pháp luật các nước hồi giáo), dẫn đến tình trạng quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài không được bảo đảm, ảnh hưởng xấu đến các giá trị xã hội của Việt Nam khi có các quan hệ hôn nhân gia đình với công dân các nước này phát sinh.

Để xác định điều kiện kết hôn về nội dung, pháp luật Việt Nam đã xây dựng nguyên tắc chung là nguyên tắc luật quốc tịch của các bên và kết hợp với nguyên tắc luật nơi cư trú. Theo đó, mỗi bên sẽ tuân theo pháp luật nước mình về điều kiện kết hôn; Nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam.⁽⁸⁾ Nguyên tắc này chỉ được áp dụng với điều kiện không thuộc trường hợp lẫn tránh pháp luật và phải đảm bảo trật tự công của Việt Nam.

Đặc biệt, pháp luật Việt Nam rất chú trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài như trong trường hợp việc kết hôn có vi phạm pháp luật Việt Nam về điều kiện kết hôn (ví dụ như vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn) nhưng vào thời điểm yêu cầu công nhận việc kết hôn, hậu quả của sự vi phạm đó đã được khắc phục hoặc công nhận việc kết hôn đó là có lợi cho việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em thì hôn nhân đó cũng được công nhận tại Việt Nam (Điều 20 Nghị định số 68/CP).

Bên cạnh các quy định của pháp luật trong nước, các hiệp định tương trợ tư pháp cũng dựa trên cơ sở nguyên tắc chung là luật quốc tịch của các bên để xác định các điều kiện kết hôn về nội dung, trong trường hợp cấm kết hôn, các bên cần đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định trong pháp luật của nước mà các bên mang quốc tịch và luật nơi tiến hành kết hôn.⁽⁹⁾

3. Đảm bảo quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em

Quốc tịch là vấn đề rất quan trọng liên quan đến việc thực hiện quyền con người nói

chung và là căn cứ bảo đảm các quyền cơ bản của phụ nữ và trẻ em trên cơ sở pháp luật trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng. CEDAW cũng chú trọng đến vấn đề này và đưa ra nguyên tắc chung nhằm bảo vệ quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài tại Điều 9 như sau:

"1. Các nước tham gia công ước phải cho phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Các nước phải đảm bảo đặc biệt là việc kết hôn với người nước ngoài hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không mặc nhiên làm thay đổi quốc tịch của người vợ, biến người vợ thành người không có quốc tịch hay ép buộc người vợ phải lấy quốc tịch của chồng.

2. Các nước tham gia công ước phải cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong vấn đề quốc tịch của con họ".

Trên cơ sở nguyên tắc nói trên, Việt Nam cũng đã cụ thể hoá các quyền về quốc tịch của phụ nữ và trẻ em, kể cả trong trường hợp sau khi có sự thay đổi trong các quan hệ về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài trong các quy định như Hiến pháp, Luật quốc tịch năm 1998... Cụ thể Luật quốc tịch năm 1998 đã xây dựng một số nguyên tắc cơ bản liên quan đến việc bảo vệ quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài như:

- Nguyên tắc bảo hộ quyền có quốc tịch của công dân (Điều 1 Luật quốc tịch năm 1998);
- Nguyên tắc bảo hộ quyền về quốc tịch của phụ nữ khi kết hôn, li hôn, huỷ hôn nhân trái pháp luật trong quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài (Điều 9, Điều 10 Luật

Để xác định điều kiện kết hôn về nội dung, pháp luật Việt Nam đã xây dựng nguyên tắc chung là nguyên tắc luật quốc tịch của các bên và kết hợp với nguyên tắc luật nơi cư trú. Theo đó, mỗi bên sẽ tuân theo pháp luật nước mình về điều kiện kết hôn; Nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam.⁽⁸⁾ Nguyên tắc này chỉ được áp dụng với điều kiện không thuộc trường hợp lẫn tránh pháp luật và phải đảm bảo trật tự công của Việt Nam.

Đặc biệt, pháp luật Việt Nam rất chú trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài như trong trường hợp việc kết hôn có vi phạm pháp luật Việt Nam về điều kiện kết hôn (ví dụ như vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn) nhưng vào thời điểm yêu cầu công nhận việc kết hôn, hậu quả của sự vi phạm đó đã được khắc phục hoặc công nhận việc kết hôn đó là có lợi cho việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em thì hôn nhân đó cũng được công nhận tại Việt Nam (Điều 20 Nghị định số 68/CP).

Bên cạnh các quy định của pháp luật trong nước, các hiệp định tương trợ tư pháp cũng dựa trên cơ sở nguyên tắc chung là luật quốc tịch của các bên để xác định các điều kiện kết hôn về nội dung, trong trường hợp cấm kết hôn, các bên cần đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định trong pháp luật của nước mà các bên mang quốc tịch và luật nơi tiến hành kết hôn.⁽⁹⁾

3. Đảm bảo quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em

Quốc tịch là vấn đề rất quan trọng liên quan đến việc thực hiện quyền con người nói

chung và là căn cứ bảo đảm các quyền cơ bản của phụ nữ và trẻ em trên cơ sở pháp luật trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng. CEDAW cũng chú trọng đến vấn đề này và đưa ra nguyên tắc chung nhằm bảo vệ quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài tại Điều 9 như sau:

"1. Các nước tham gia công ước phải cho phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Các nước phải đảm bảo đặc biệt là việc kết hôn với người nước ngoài hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không mặc nhiên làm thay đổi quốc tịch của người vợ, biến người vợ thành người không có quốc tịch hay ép buộc người vợ phải lấy quốc tịch của chồng.

2. Các nước tham gia công ước phải cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong vấn đề quốc tịch của con họ".

Trên cơ sở nguyên tắc nói trên, Việt Nam cũng đã cụ thể hoá các quyền về quốc tịch của phụ nữ và trẻ em, kể cả trong trường hợp sau khi có sự thay đổi trong các quan hệ về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài trong các quy định như Hiến pháp, Luật quốc tịch năm 1998... Cụ thể Luật quốc tịch năm 1998 đã xây dựng một số nguyên tắc cơ bản liên quan đến việc bảo vệ quyền đối với quốc tịch của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài như:

- Nguyên tắc bảo hộ quyền có quốc tịch của công dân (Điều 1 Luật quốc tịch năm 1998);
- Nguyên tắc bảo hộ quyền về quốc tịch của phụ nữ khi kết hôn, li hôn, huỷ hôn nhân trái pháp luật trong quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài (Điều 9, Điều 10 Luật

quốc tịch năm 1998). Theo đó, người vợ không đương nhiên bị mất quốc tịch khi có sự thay đổi trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.

Đặc biệt, pháp luật Việt Nam cũng cho phép vợ hoặc chồng (trong trường hợp vợ chồng không cùng quốc tịch) có quyền như nhau trong việc lựa chọn quốc tịch cho con thông qua một thoả thuận bằng văn bản vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con (Điều 17 Luật quốc tịch năm 1998).

4. Bảo đảm các quyền nhân thân, tài sản của phụ nữ sau khi kết hôn

Trước thực trạng các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua, phần lớn phụ nữ sau khi kết hôn thường ra nước ngoài sinh sống, sau một thời gian có thể li hôn và trở về Việt Nam. Trong trường hợp này, các quyền nhân thân và tài sản của phụ nữ và trẻ em không được bảo đảm đã đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần giải quyết. CEDAW đã đưa ra một số nguyên tắc xác lập quyền bình đẳng của phụ nữ trong các quan hệ dân sự và hôn nhân gia đình tại các Điều 16, 17 Công ước. Phụ nữ có quyền bình đẳng trong các quan hệ nhân thân (quyền đối với họ tên, lựa chọn nơi cư trú, đi lại, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm...), quan hệ tài sản (quyền sở hữu, quản lý tài sản...) và trong việc tham gia các giao dịch pháp lý như quan hệ hợp đồng, hoặc các quan hệ trong lĩnh vực tố tụng. Vợ chồng có quyền và trách nhiệm như nhau trong thời gian hôn nhân cũng như khi chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Bên cạnh CEDAW, Công ước La Haye năm 1978 về luật áp dụng đối với các quan hệ nhân thân, tài sản của vợ chồng đã xây dựng nguyên tắc chung cho việc chọn luật áp dụng

điều chỉnh chế độ nhân thân, tài sản vợ chồng theo đó: “*Chế độ nhân thân tài sản của vợ chồng được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật quốc gia do vợ chồng lựa chọn trước hôn nhân, vợ chồng có thể lựa chọn các hệ thống pháp luật sau:*

- *Luật quốc tịch của các bên vào thời điểm kết hôn (thường áp dụng trong trường hợp vợ chồng cùng quốc tịch);*

- *Luật nơi cư trú của một trong các bên vào thời điểm kết hôn;*

- *Luật nơi cư trú chung của vợ chồng sau khi kết hôn;*

- *Luật nơi có bất động sản”* (Điều 3 Công ước La Haye năm 1978).

Nguyên tắc trên cũng cần đảm bảo một số điều kiện nhất định như luật do vợ chồng lựa chọn là hệ thống luật có quan hệ gắn bó đến lợi ích gia đình và không trái với trật tự công nơi vợ chồng cư trú hoặc theo luật quốc tịch của các bên, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng vợ chồng và không nhằm mục đích lẩn tránh pháp luật.

Trường hợp vợ chồng không chọn luật áp dụng điều chỉnh quan hệ nhân thân tài sản của họ thì cơ quan có thẩm quyền có thể căn cứ vào mong muốn, ý chí chung của vợ chồng khi tạo lập hôn nhân để tìm ra hệ thống pháp luật nơi có lợi ích gia đình gắn bó nhất là cơ sở áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan.

Tuy nhiên, hiện nay các quy định của pháp luật Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ nhân thân tài sản giữa vợ chồng có yếu tố nước ngoài, còn chưa đầy đủ vì số lượng các hiệp định tương trợ tư pháp có quy định về vấn đề này rất ít, chủ yếu là các hiệp định kí với các nước Đông Âu trước đây như Hiệp định với Nga năm 1998, với Ba Lan năm 1993, Hung ga ri năm 1985, Bun ga ri

năm 1986, Cu Ba năm 1984... mới có các quy phạm xung đột để chọn luật áp dụng điều chỉnh các quan hệ nhân thân tài sản giữa vợ chồng. Theo đó, để xác định luật áp dụng điều chỉnh các quan hệ nhân thân, tài sản giữa vợ chồng các hiệp định quy định áp dụng một trong các nguyên tắc sau:

- Luật nơi cư trú chung của vợ chồng hoặc luật nơi cư trú chung cuối cùng của vợ chồng vào thời điểm xảy ra tranh chấp.

- Luật quốc tịch chung của vợ chồng nếu vợ chồng cùng quốc tịch nhưng không có nơi cư trú chung.

- Luật toà án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.⁽¹⁰⁾

Còn trong một loạt các hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lí mới được kí kết như các Hiệp định với Trung Quốc năm 1998, Hiệp định với Cộng hoà Pháp năm 1999, Hiệp định với Lào năm 1998... thì không có các quy định này mà chủ yếu là việc xây dựng cơ chế hợp tác, tương trợ giữa các cơ quan tư pháp các nước trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình nói chung.

Hiện toà án Việt Nam chủ yếu áp dụng pháp luật nội dung của Việt Nam để giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ nhân thân, tài sản của vợ chồng trên cơ sở các căn cứ sau:

- Trong trường hợp pháp luật chưa có quy định thì có thể áp dụng pháp Luật hôn nhân và gia đình của Việt Nam để điều chỉnh các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (Điều 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

- Áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề về tranh chấp quyền và nghĩa vụ của vợ chồng (khoản 3 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

- Đối với các tranh chấp liên quan đến bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam thì áp dụng pháp luật Việt Nam (Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

Như vậy, với các quy định nói trên có thể nhận thấy, pháp luật Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện trong việc xây dựng các quy định để điều chỉnh các quan hệ nhân thân tài sản giữa vợ và chồng trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, chưa thực sự bảo vệ được quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Để khắc phục những bất cập trên, bảo vệ tốt hơn các quyền lợi của phụ nữ và trẻ em nên chăng khi giải quyết các vấn đề có liên quan, cơ quan có thẩm quyền có thể tham khảo các nguyên tắc đã được xây dựng trong các điều ước quốc tế đa phương như Công ước La Haye năm 1978 về luật áp dụng đối với quan hệ hôn nhân gia đình.

5. Li hôn có yếu tố nước ngoài

CEDAW đã đưa ra các nguyên tắc chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong các quan hệ hôn nhân gia đình, đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ không chỉ trong các quan hệ hôn nhân mà ngay cả khi hôn nhân chấm dứt.⁽¹¹⁾

Các vấn đề liên quan đến li hôn luôn có tính chất pháp lí phức tạp do có hậu quả chấm dứt quan hệ nhân thân, tài sản của vợ, chồng, liên quan đến lợi ích của trẻ em... đặc biệt trong các quan hệ li hôn có yếu tố nước ngoài có liên quan đến hệ thống pháp luật nhiều nước nên cần thiết phải có các quy định điều chỉnh vấn đề này với mục đích đảm bảo tốt nhất cho quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em. Pháp luật Việt Nam đã xây dựng được một số quy định giải quyết vấn đề li hôn có yếu tố nước ngoài.

Thứ nhất, trong trường hợp các bên thường trú tại Việt Nam việc li hôn giữa công

dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy, pháp luật Việt Nam dựa trên nguyên tắc Luật nơi thường trú chung của vợ chồng (Điều 104.1 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000) để giải quyết li hôn, nguyên tắc này được áp dụng trong hai trường hợp:

+ Li hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

+ Li hôn giữa 2 người nước ngoài (khác hoặc cùng quốc tịch) thường trú tại Việt Nam, đều áp dụng pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, trong trường hợp một trong các bên thường trú tại nước ngoài, bên là công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu li hôn thì việc li hôn được giải quyết theo pháp luật của nước nơi thường trú chung của vợ chồng. Nếu vợ chồng không có nơi thường trú chung thì áp dụng pháp luật Việt Nam (Điều 104.2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

Trường hợp việc li hôn giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc với người nước ngoài đã được giải quyết tại toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của nước ngoài thì được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.⁽¹²⁾

Vì pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể các nguyên tắc giải quyết đối với chế độ nhân thân, tài sản của vợ chồng, cho nên hệ quả pháp lý liên quan đến các quyền nhân thân (chấm dứt quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng, vấn đề nuôi con...) hiện nay được toà án áp dụng chủ yếu dựa trên các quy định của pháp luật Việt Nam. Các hệ quả pháp lý liên quan đến việc chia tài sản mới chỉ quy định đối với việc

phân chia tài sản là bất động sản thì áp dụng luật nơi có bất động sản đó (Điều 104.3).

Bên cạnh các quy định của pháp luật trong nước, tư pháp quốc tế Việt Nam cũng đã xây dựng được một số các quy định trong các điều ước quốc tế để xác định luật áp dụng giải quyết li hôn như nguyên tắc luật quốc tịch chung của vợ chồng (trong trường hợp vợ chồng cùng quốc tịch hoặc luật nơi cư trú chung vào thời điểm li hôn hoặc nơi cư trú chung cuối cùng nếu không có nơi cư trú chung thì áp dụng luật của toà án có thẩm quyền giải quyết.⁽¹³⁾

Do tính chất phức tạp của loại vụ việc li hôn có yếu tố nước ngoài, cơ quan tài phán phải giải quyết rất nhiều vấn đề pháp lý như các vấn đề xung đột về thẩm quyền xét xử, vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài để giải quyết li hôn, vấn đề công nhận và cho thi hành các bản án phán quyết về hôn nhân gia đình, việc phối hợp hợp tác với các cơ quan tư pháp của các nước trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan cũng gặp nhiều khó khăn... Khi giải quyết, toà án phải đặt quyền lợi của phụ nữ và trẻ em lên trước hết, Ví dụ như trong trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, nhưng người nước ngoài đã về nước mà không liên hệ với công dân Việt Nam, nay công dân Việt Nam xin li hôn thì toà án thụ lý giải quyết. Nếu người nước ngoài bỏ về nước không thực hiện nghĩa vụ theo quy định, thời gian không có tin tức cho vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam từ một năm trở lên mà đương sự và thân nhân của họ và các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước họ, các cơ quan có thẩm quyền mà người đó là công dân), sau khi đã điều tra xác minh địa chỉ của họ theo thủ tục xuất nhập cảnh, địa chỉ mà họ khai khi đăng kí

kết hôn theo giấy đăng kí kết hôn... nhưng cũng không biết tin tức, địa chỉ của họ thì được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và xử cho li hôn.⁽¹⁴⁾

6. Kết luận

Nhìn chung để đảm bảo thực hiện các quyền và lợi ích cơ bản của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, thực hiện các cam kết của quốc gia trong việc thi hành các nguyên tắc của CEDAW, thiết lập sự bình đẳng trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, pháp luật Việt Nam trong thời gian qua đã không ngừng được xây dựng và hoàn thiện, thể hiện sự quan tâm chú trọng của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển về mọi mặt của phụ nữ. Việt Nam đã xây dựng được khung pháp lí cơ bản trong nước và kí kết các điều ước quốc tế để đảm bảo thực thi giải quyết các vấn đề trong quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ này trong thời gian tới, Việt Nam cần sớm hoàn chỉnh các quy định có liên quan trong các văn bản luật như luật hôn nhân và gia đình, luật dân sự, luật tố tụng dân sự... Đặc biệt cần nghiên cứu các chuẩn mực của quốc tế để có thể sớm gia nhập các điều ước quốc tế đa phương về các vấn đề dân sự, hôn nhân gia đình của hội nghị quốc tế La Haye góp phần tạo ra cơ chế hợp tác quốc tế hữu hiệu hơn nữa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em Việt Nam./

(1). Khái niệm quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ hôn nhân gia đình.

- Giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài;
- Giữa người nước ngoài với nhau thường trú tại Việt Nam.
- Giữa công dân Việt Nam với nhau mà căn cứ để

xác lập, thay đổi chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài (Điều 8.14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

(2). Điều 3 CEDAW quy định: "Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả biện pháp pháp luật, trên tất cả mọi lĩnh vực... để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ...".

(3).Xem: Danh mục các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã kí và phê chuẩn (phụ lục B, Báo cáo quốc gia lần thứ 2 về tình hình thực hiện CEDAW, Nxb. Phụ nữ 1999, tr. 114).

(4). Hiện nay, tại Việt Nam có khoảng 13 hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lí với các nước có hiệu lực, đã kí 6 hiệp định về nuôi con nuôi quốc tế với các nước như Bỉ, Đan Mạch, Thụy Điển, Ai - Len...

(5).Xem: Điều 2 Nghị định số 68/CP năm 2002 quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định về việc bảo vệ quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.

(6).Xem: Điều 23.2 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam - Cu Ba, Điều 31.2 Hiệp định Việt Nam - Hungari, Điều 24.2 Hiệp định Việt Nam - Nga, Điều 20 Nghị định số 68/CP.

(7). Đây là công ước quốc tế được xây dựng trong khuôn khổ hội nghị quốc tế La Haye, hiện có khoảng 65 quốc gia thành viên. Việt Nam chưa là thành viên công ước này.

(8).Xem: Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 10 Nghị định số 68/CP.

(9).Xem: Điều 24 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam - Nga, Hiệp định Việt Nam - Mông cổ...

(10).Xem: Điều 25 Hiệp định Việt Nam - Nga; Điều 23 Hiệp định Việt Nam - Cu Ba; Điều 32 Hiệp định Việt Nam - Hungari; Điều 24 Hiệp định Việt Nam - Ba Lan...

(11).Xem: Điều 16 CEDAW.

(12).Xem: Điều 104.4 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 20.2 Nghị định số 68/CP năm 2002 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

(13).Xem: Điều 26 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam - Nga.

(14).Xem: Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số vụ tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.

kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn... nhưng cũng không biết tin tức, địa chỉ của họ thì được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và xử cho li hôn.⁽¹⁴⁾

6. Kết luận

Nhìn chung để đảm bảo thực hiện các quyền và lợi ích cơ bản của phụ nữ và trẻ em trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, thực hiện các cam kết của quốc gia trong việc thi hành các nguyên tắc của CEDAW, thiết lập sự bình đẳng trong các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, pháp luật Việt Nam trong thời gian qua đã không ngừng được xây dựng và hoàn thiện, thể hiện sự quan tâm chú trọng của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển về mọi mặt của phụ nữ. Việt Nam đã xây dựng được khung pháp lý cơ bản trong nước và kí kết các điều ước quốc tế để đảm bảo thực thi giải quyết các vấn đề trong quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ này trong thời gian tới, Việt Nam cần sớm hoàn chỉnh các quy định có liên quan trong các văn bản luật như luật hôn nhân và gia đình, luật dân sự, luật tố tụng dân sự... Đặc biệt cần nghiên cứu các chuẩn mực của quốc tế để có thể sớm gia nhập các điều ước quốc tế đa phương về các vấn đề dân sự, hôn nhân gia đình của hội nghị quốc tế La Haye góp phần tạo ra cơ chế hợp tác quốc tế hữu hiệu hơn nữa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em Việt Nam./

(1). Khái niệm quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ hôn nhân gia đình.

- Giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài;
- Giữa người nước ngoài với nhau thường trú tại Việt Nam.
- Giữa công dân Việt Nam với nhau mà căn cứ để

xác lập, thay đổi chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài (Điều 8.14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

(2). Điều 3 CEDAW quy định: "Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả biện pháp pháp luật, trên tất cả mọi lĩnh vực... để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ...".

(3).Xem: Danh mục các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã kí và phê chuẩn (phụ lục B, Báo cáo quốc gia lần thứ 2 về tình hình thực hiện CEDAW, Nxb. Phụ nữ 1999, tr. 114).

(4). Hiện nay, tại Việt Nam có khoảng 13 hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lí với các nước có hiệu lực, đã kí 6 hiệp định về nuôi con nuôi quốc tế với các nước như Bỉ, Đan Mạch, Thụy Điển, Ai - Len...

(5).Xem: Điều 2 Nghị định số 68/CP năm 2002 quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định về việc bảo vệ quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.

(6).Xem: Điều 23.2 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam - Cu Ba, Điều 31.2 Hiệp định Việt Nam - Hungari, Điều 24.2 Hiệp định Việt Nam - Nga, Điều 20 Nghị định số 68/CP.

(7). Đây là công ước quốc tế được xây dựng trong khuôn khổ hội nghị quốc tế La Haye, hiện có khoảng 65 quốc gia thành viên. Việt Nam chưa là thành viên công ước này.

(8).Xem: Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 10 Nghị định số 68/CP.

(9).Xem: Điều 24 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam - Nga, Hiệp định Việt Nam - Mông cổ...

(10).Xem: Điều 25 Hiệp định Việt Nam - Nga; Điều 23 Hiệp định Việt Nam - Cu Ba; Điều 32 Hiệp định Việt Nam - Hungari; Điều 24 Hiệp định Việt Nam - Ba Lan...

(11).Xem: Điều 16 CEDAW.

(12).Xem: Điều 104.4 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 20.2 Nghị định số 68/CP năm 2002 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

(13).Xem: Điều 26 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam - Nga.

(14).Xem: Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số vụ tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.